

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Tám
2. Bà Nguyễn Thị Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2023/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXX ngày 23 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hà Ngọc T - Sinh năm 1974.

2. *Bị đơn:* Chị Vũ Thị P - Sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: SN 29B/61 phố TR, phường T, thành phố Thanh Hóa.
(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Hà Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị P kết hôn với nhau năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc tại SN 29B/61 TR, phường T, thành phố Thanh Hóa đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau nên không khí gia đình luôn căng thẳng nặng nề. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Giữa anh và chị P đã từng làm đơn giải quyết việc dân sự về việc công nhận thuận tình ly hôn ra Tòa án giải quyết, nhưng sau đó lại rút đơn về. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm

trọng hơn. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh và chị P có hai con chung tên là Hà Phương H – sinh ngày 13/01/2004 (đã thành niên) và Hà Phương A – sinh ngày 31/8/2011, hiện nay cháu Phương A đang ở với chị P. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu Phương A cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Phương A thành niên.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho chị Vũ Thị P theo quy định của pháp luật nhưng chị P không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

* Thu thập chứng cứ tại địa phương: Anh Hà Ngọc T và chị Vũ Thị P kết hôn với nhau năm 2003 và chung sống với nhau tại SN 29B/61 phố TR, phường T, thành phố Thanh Hóa cho đến nay. Quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn như thế nào phổ không nắm được. Nhưng địa phương được biết vợ chồng anh T chị P sống ly thân, không ai quan tâm đến ai; Về con: Anh T chị P có hai con chung là cháu Hà Phương H – sinh ngày 13/01/2004 (đã thành niên) và Hà Phương A – sinh ngày 31/8/2011, hiện nay cháu Phương A đang ở với chị P. Về tài sản công nợ của anh T chị P địa P không nắm được, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại phiên tòa vắng mặt chị P, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung thêm nội dung nào khác.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS để xét xử. Về yêu cầu khởi kiện: đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Hà Ngọc T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Vũ Thị P có địa chỉ tại thành phố Thanh Hóa, nên Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Anh Hà Ngọc T và chị Vũ Thị P kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Hà Ngọc T thấy rằng: hôn nhân muốn tồn tại trước hết vợ chồng phải thương yêu nhau, tôn trọng và có trách nhiệm với nhau cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Qua xem xét lời khai của anh T, cung cấp của chính quyền địa phương nơi anh T chị P sinh sống thể hiện: vợ chồng anh T, chị P mâu thuẫn đã kéo dài, mặc dù được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, bản thân anh chị đã từng làm đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đến Tòa án để giải quyết, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay không ai quan tâm đến ai. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị P đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để hòa giải, không tham gia phiên tòa, mặc nhiên để anh T đơn P ly hôn. Do đó, xác định mâu thuẫn vợ chồng chồng giữa anh T và chị P đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh được ly hôn chị P.

[3] *Về con chung*: Anh chị có hai con chung là Hà Phương H – sinh ngày 13/01/2004 (đã thành niên) và Hà Phương A – sinh ngày 31/8/2011. Hiện nay cháu Phương A đang ở với chị P, chị vẫn nuôi dạy cháu đảm bảo về mọi mặt. Mặt khác, cháu Phương A là con gái, hiện nay đang trong độ tuổi phát triển tâm sinh lý, cần sự quan tâm, chia sẻ, dạy bảo từ người mẹ. Bản thân anh T cũng nhận thấy, anh không có chỗ ở ổn định, cháu Phương A ở với mẹ sẽ đảm bảo về việc chăm sóc, dạy bảo được tốt hơn ở với bố. Hơn nữa, cháu Phương A có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy giao cháu Phương A cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Phương A thành niên là phù hợp. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản*: Anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5, 6 Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, anh Hà Ngọc T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5, 6 Điều 27, khoản 1. 1 Điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho anh Hà Ngọc T được ly hôn chị Vũ Thị P.

Về con chung: Công nhận cháu Hà Phương H – sinh ngày 13/01/2004 (đã thành niên) và Hà Phương A – sinh ngày 31/8/2011 là con chung của anh Hà Ngọc T chị Vũ Thị P. Giao cháu Phương A cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2023 cho đến khi cháu Phương A thành niên.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Anh T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0002520 ngày 15/11/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Anh T còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP. Thanh Hoá;
- UBND P. T, Tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Thị Quỳnh

